TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ TẺH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 15-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TẺH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Đinh Trọng Hà
2/ Ông Vũ Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 03/2023/HSST-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với:

1. Bị cáo LÊ VĂN T – Sinh ngày 22 tháng 02 năm: 1995, tại: Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: TDP L, P. H, TX. H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi tạm trú: Thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T1 – Sinh năm 1958 và bà Trần Thị Đ – sinh năm 1959 *(đã chết)*; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 01/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "*Có mặt*".

2. Bị cáo PHAN VĂN Q – Sinh ngày 16 tháng 8 năm: 1995, tại: Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: TDP C, P. H, TP H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi tạm trú: Khu F, Nguyễn Hữu C, TT.Tân Phú, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Phước H – sinh năm 1965 và bà Hà Thị X – sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 01/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "*Có mặt*".

3. Bị cáo PHẠM HIỆP – Sinh ngày 02 tháng 01 năm: 1979, tại: Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: TDP L, P. H, TX. H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi tạm trú: Thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm H1 - sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Q1 – sinh năm 1952; Vợ: Lê Thị L – Sinh năm 1988; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm 2015; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 01/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "*Có mặt*".

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn T2, Phan Văn Q2, P:* Ông Nguyễn Trung T3 và ông Lê Hồng Đ1 – Luật sư Công ty L2 thuộc đoàn luật sư thành phố H. "*Ông Đ1 vắng mặt, ông T3 có mặt*"

***** Bị hại: Công Ty Cổ Phần C1. Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp B, phường L, TP ., Đồng Nai.

- *Đại diện theo pháp luật của bị hại:* Ông Montri S – Chúc vụ; Tổng Giám đốc Công ty.

- *Đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Ông Nguyễn Tuấn K - Chức vụ: Giám đốc bộ phận thanh tra của Công ty; Địa chỉ: A A Khu phố A, phường H, TP ., Đồng Nai. "*Có mặt*".

***** Người làm chứng**:** Anh Nguyễn Minh P – Sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp G, A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. "*Vắng mặt*".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 0 giờ 15'ngày 01/10/2022, anh Nguyễn Minh P và anh Phạm Hoàng Minh L1 đều là nhân viên quản lý của Trại heo Nghiêm Phát thuộc Công ty Cổ phần C2 có trụ sở tại Thôn G, xã M, huyện Đ tỉnh Lâm Đồng phát hiện Phan Văn Q2 đang điều khiển chiếc xe môtô biển kiểm soát 62P1-116.92 chở theo 01 sọt sắt được che đậy bằng bao xác rắn và bìa carton đi từ đường T ở Thôn G, xã M đi ra ngã ba xã M, huyện Đ. Anh P và anh L1 nghi ngờ Q2 trộm cắp heo của Trại heo Nghiêm Phát nên đã chặn lại kiểm tra thì phát hiện trong sọt đan bằng sắt trên xe của Q2 có 10 con heo con có đặc điểm vành tai xăm số "138" và bấm tai. Xác định số heo trên có nguồn gốc từ Trại heo Nghiêm P1 nên anh L1 và anh P đã giữ Q2 lại rồi trình báo Công an xã M, huyện Đ để làm rõ.

Quá trình điều tra xác định: Lê Văn T2 và Phan Văn Q2 là bạn cùng học trường Đại học N1 - L. Năm 2018, sau khi tốt nghiệp Đại học, Lê Văn T2 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty Cổ phần C2. Đến năm 2019,

Công ty tổ chức họp nội bộ, thống nhất điều động Lê Văn T2 đến làm Nhân viên kỹ thuật trưởng (hay còn gọi là Trại trưởng) Trại heo Nghiêm Phát của Công ty Cổ phần C2 ở Thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nhiệm vụ chính là điều hành sản xuất trại heo nái, chịu trách nhiệm quản lý tài sản, an toàn và môi trường của trại heo... Còn Phan Văn Q2 sau khi tốt nghiệp Đại học làm nhân viên kinh doanh (sales) thức ăn gia súc cho Công ty TNHH S1 tại địa bàn huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vào khoảng tháng 08/2022, T2 và Q2 gặp lại nhau và bàn bạc cùng nhau góp vốn thuê chuồng nuôi heo con, khi heo lớn sẽ bán lấy tiền chia nhau. Sau đó, Q2 thuê lại trang trại chăn nuôi heo của vợ chồng anh Phạm Phú N và chị Nguyễn Thị T4 ở Ấp B, xã T, T, Đồng Nai rồi báo cho T2 biết.

Vào sáng ngày 26/9/2022, T2 đến gặp Q2 tại T, Đồng Nai nhưng do chưa vay được tiền từ ngân hàng để mua heo thả vào chuồng, Q2 nói nếu để lâu sợ anh N đổi ý không cho thuê chuồng nữa nên T2 nảy sinh ý định bắt khoảng 30 con heo giống từ Trại heo Nghiêm Phát tại Thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về chuồng heo thuê của anh N để thả còn Q2 sẽ cung cấp cám nuôi heo chung để giữ chuồng. Lúc đầu Q2 lo sợ nhưng T2 nói cứ để T2 bố trí trong trại nên Q2 đồng ý.

Trong khoảng thời gian từ rạng sáng ngày 27/9/2022 đến ngày 01/10/2022 T2 và Q2 đã câu kết với Phạm H2 03 lần trộm cắp 32 con heo con của Trại heo Nghiêm P1 chở về chuồng thuê của anh N để nuôi. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Sau khi gặp Q2 tại T, Đồng Nai ngày 26/09/2022, T2 và Q2 nhắn tin cho nhau, thống nhất ngày bắt heo, số lượng heo bắt, Q2 đi mua 01 chiếc sọt đan bằng sắt kích thước dài 90cm, rộng 55cm cao 40cm rồi mượn 01 chiếc xe mô tô Yamaha hiệu Sirius màu trắng đen biển kiểm soát 62P1-116.92 của anh N *(chuyên dùng đi chở cám)* để đêm đi chở heo. T2 gửi định vị (*G*) vị trí Trại heo Nghiêm P1 cho Q2 và hướng dẫn Q2 đường đi ra phía sau trại, đồng thời T2 gửi số điện thoại của Phạm H2 – là công nhân làm việc vào ca đêm hàng ngày để Q2 chủ động liên lạc với H2. Sau đó T2 đi tìm Phạm Hiệp dặn H2 : khoảng 00’đến 3 giờ 00’ sáng ngày 27/09/2022, khi có bạn của T2 gọi điện thoại thì bắt 10 con heo cai sữa đưa ra chuồng phân phía sau Trại heo Nghiêm P1 để có người mang đi. Lúc này, H2 biết rõ việc lén lút bắt heo vào ban đêm mang ra chuồng phân là không đúng quy trình nhưng vì T2 là trại trưởng, xảy ra mất heo T2 phải chịu trách nhiệm với công ty, H2 chỉ là nhân viên dưới quyền làm theo lệnh cấp trên nên Hiệp đồng ý.

Khoảng 2 giờ 00’ sáng ngày 27/09/2022, Q2 điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62P1-116.92 chở theo 01 sọt đan bằng sắt từ thị trấn T sang Trại heo N. Khoảng 3 giờ 00’ sáng cùng ngày thì đến Trại heo Nghiêm P1, Quang điện t báo cho H2 biết đã đến chỗ chuồng phân phía sau trại heo để H2 bắt heo mang ra. Khoảng 5 phút sau, Q2 thấy H2 mang bao tải đựng 05 con heo con ra rồi lại quay

vào bắt thêm 05 con heo nữa bỏ vào bao tải mang ra đưa cho Q2. Q2 bỏ hết 10 con heo vào sọt sắt, lấy vỏ bao tải che lại rồi điều khiển xe máy chở số heo vừa trộm cắp về thả ở chuồng heo thuê của vợ chồng anh N ở xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai sau đó gọi điện thoại báo cho T2 biết đã bắt được 10 con heo.

Lần thứ 2: Trưa ngày 27/09/2022, T2 lại điện thoại cho Q2 hẹn khoảng 1 giờ 00’ đến 3 giờ 00’ sáng ngày 28/09/2022 tiếp tục bắt trộm heo như lần trước, Q2 đồng ý. T2 tiếp tục dặn H2 bắt 10 con heo con nhưng H2 nghe nhầm thành 12 con. Khoảng 2 giờ 00’ sáng ngày 28/09/2022, Q2 tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62P1-116.92 chở theo sọt sắt đi từ Thị trấn T đến Trại heo Nghiêm P1. Khoảng 3 giờ 00’ sáng ngày 28/09/2022, Q2 đến cửa sau trại heo Nghiêm P1 điện thoại cho H2. Khoảng 5 phút sau, H2 bắt 02 lần tổng cộng 12 con heo cho vào bao tải mang ra giao cho Q2. Q2 bỏ hết 12 con heo vào sọt rồi chở về thả vào chuồng heo ở T, sau đó gọi điện thoại báo cho T2 biết đã bắt được thêm 12 con heo.

Lần thứ 3: Ngày 28/09/2022, T2 tiếp tục nói Q2 đến bắt heo nhưng Q2 nói bận đi đám cưới hẹn ngày 30/9/2022. Sáng ngày 30/9/2022, T2 lại điện thoại cho Q2 hẹn tối vào bắt heo tiếp rồi dặn H2 khoảng 1 giờ 00’ đến 3 giờ 00’ sáng hôm sau *(tức ngày 01/10/2022)* bắt 10 con heo đưa ra sau trại heo cho Q2 chở về. Khoảng 22 giờ 00 ngày 30/09/2022 Quang điện thoại cho H2 và thống nhất khoảng 0 giờ 00’ ngày 01/10/2022, Q2 sẽ đến bắt heo. Hiệp đồng ý và dặn Q2 đến nơi thì gọi điện cho H2. Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 01/10/2022, Q2 điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62P1-116.92 chở theo sọt sắt đến cửa sau trại heo Nghiêm P1 rồi gọi điện thoại cho H2. Cũng như 02 lần trước, H2 lần lượt bắt 10 còn heo con cho vào 02 bao tải mang ra giao cho Q2 bỏ vào sọt để chở về T. Khi Q2 điều khiển xe chở sọt heo từ trại heo ra đến ngã ba thuộc thôn G, xã M ra thì bị anh Nguyễn Minh P và anh Phạm Hoàng Minh L1 - nhân viên quản lý của Công ty Cổ phần C2 phát hiện, trình báo Công an xã M, huyện Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ 10 con heo có đặc điểm vành tai xăm số “138”, bấm tai rồi đưa về trụ sở Cơ quan điều tra để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Q2, T2 và H2 đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 01/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện ĐạTẻh xác định giá trị của 10 con heo con cai sữa, trọng lượng 3-5 kg là 4.500.000 đồng *(Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).*

Căn cứ lời khai của T2 và Q2, Cơ quan điều tra đã tạm giữ tại chuồng nuôi heo trước đó Q2 thuê của anh Phạm Phú N tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và thu giữ 22 con heo cùng có đặc điểm vành tai xăm số “138”, bấm tai, trọng lượng 3 – 6kg. Ngày 7/11/2022, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS Huyện ĐạTẻh xác định giá trị của 22 con heo con là 9.900.000 đồng *(Chín triệu, chín trăm ngàn đồng).*

Tổng giá trị tài sản 32 con heo con trị giá: 14.400.000đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Bị hại: Công ty cổ phần C2 bị Lê Văn T2, Phan Văn Q2 và Phạm H2 chiếm đoạt 32 (*ba mươi hai*) con heo con cai sữa trọng lượng từ 3 – 6kg, theo giá nội bộ của công ty là 1.500.000đ/con x 32 con = 48.000.000đồng. Công ty cổ phần C2 đã thu hồi 32 con heo con, đồng thời yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản chênh lệch là 15.000.000đ. Các bị cáo T2, Q2 và H2 đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho Công ty cổ phần C2.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSĐT ngày 14/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh truy tố các bị cáo Lê Văn T2, Phan Văn Q2 và bị cáo Phạm H2 về tội: "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 từ 36 (*ba mươi sáu*) tháng đến 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn Q2 từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Phạm H2 từ 24 (*hai mươi bốn*) tháng đến 30 (*ba mươi*) tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và về án phí.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, lời bào chữa của luật sư tại phiên toà; các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Trung T3 - người bào chữa cho các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Đại diện bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình và phải nuôi bố mẹ già yếu; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T2 có bố đẻ là ông Lê T1 được tặng Bằng khen do đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn

luyện thời kỳ năm 1982. Bị cáo Q2 có bố đẻ là ông Phan Phước H có công hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong công tác xây dựng đơn vị tốt năm 1987 và được trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần được áp dung cho các bị cáo được hưởng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 59 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 92 Luật Phòng chống tham nhũng; Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của HĐTPTANDTC đối với các bị cáo để xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Nguyễn Tuấn K trình bày: Công ty cổ phần C2 bị các bị cáo T2, Q2 và H2 chiếm đoạt 32 (*ba mươi hai*) con heo con theo giá nội bộ của công ty là 48.000.000đồng. Công ty cổ phần C2 đã thu hồi 32 con heo con, đồng thời yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản chênh lệch là 15.000.000 đồng. Các bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm. Trước đây đại diện bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tại phiên toà đại diện bị hại tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, bản kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Lê Văn T2 là nhân viên kỹ thuật trưởng (Trại trưởng) trại heo Nghiêm P1 tại Thôn G, xã M, huyện Đ trực thuộc Công ty cổ phần C2 từ năm 2019, được giao nhiệm vụ điều hành sản xuất trại heo nái, chịu trách nhiệm quản lý tài sản của trại heo Nghiêm Phát. Trong

khoảng thời gian từ ngày 26/9/2022 đến 01/10/2022, bị cáo T2 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Trại trưởng, lợi dụng sự thiếu kiểm tra, giám sát chưa chặt chẽ của Công ty cổ phần C2 đã nảy sinh ý định cấu kết với bị cáo Phan Văn Q2 và chỉ đạo bị cáo Phạm H2 chiếm đoạt của Công ty cổ phần C2 32 con heo con mang về chuồng thuê để nuôi, khi heo lớn bán lấy tiền tiêu xài, trong đó lần 1 và lần 2 (*ngày 27, 28/9/2022*) là 22 con heo con trị giá 9.900.000 đồng, lần 3 (*ngày 01/10/2022*) là 10 con heo con trị giá 4.500.000 đồng mang ra ngoài cho bị cáo Q2 chở về thả vào chuồng nuôi tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để làm tài sản chung của bị cáo T2 và bị cáo Q2. Đối với bị cáo H2, bị cáo H2 biết rõ bị cáo T2 không có thẩm quyền quyết định việc đưa heo con ra khỏi trại heo nhưng vẫn đồng ý làm theo chỉ đạo của bị cáo T2. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo câu kết chiếm đoạt của Công ty cổ phần C2 là 14.400.000đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*). Qua lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với những tài liệu chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đối với các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của tổ chức, doanh nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến niềm tin của doanh nghiệp, người sử dụng lao động. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ ở mức độ giản đơn, xét vai trò và trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với bị cáo T2, bị cáo là người nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trước, bị cáo là người khởi sướng, rủ rê các bị cáo khác trong vụ án. Hành vi của bị cáo T2 đã vi phạm Điều 3 Hợp đồng lao động đã ký kết số 191834191 ngày 25/8/2022 với Công ty cổ phần C2 về nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động, nghiêm cấm việc nhân viên được giao quản lý hoặc theo dõi tài sản của Công ty mà làm thất thoát hoặc hư hỏng, Bảng mô tả công việc mã số HR-059-BMTCV của công ty cổ phần C2 đối với nhân viên kỹ thuật trưởng có hiệu lực từ ngày 1/7/2020 ghi rõ trách nhiệm của người được phân công là nhân viên kỹ thuật trưởng và mối quan hệ với các bộ phận khác của trại phụ trách nhưng bị cáo T2 lại câu kết với bị cáo Q2 và bị cáo H2 để tham ô tài sản của công ty. Động cơ, mục đích của bị cáo là vụ lợi, tổng trị giá tài sản mà bị cáo T2 và đồng bọn chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 14.400.000 đồng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, cho thấy bị cáo T2 là người coi thường pháp luật. Do vậy, bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Q2, bị cáo đã cấu kết với bị cáo T2 và bị cáo H2 chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần C2 có tổng giá trị là 14.400.000 đồng. Trong vụ án

này, bị cáo Q2 đóng vai trò là người trực tiếp, tích cực thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ, mục đích vụ lợi. Bị cáo đã chuẩn bị phương tiện là xe mô tô chở heo và sọt sắt đựng heo chiếm đoạt của Công ty cổ phần C2. Do vậy, bị cáo Q2 phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo H2, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo T2 và cấu kết với bị cáo Q2 chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần C2 có tổng giá trị là 14.400.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo H2 phạm tội không có động cơ, mục đích vụ lợi. Do vậy, bị cáo H2 cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra.

Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 tương xứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì: Sau khi phạm tội các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 đều đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường đối với phần chênh lệch về giá trị tài sản chiếm đoạt cho bị hại mỗi bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng; Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đại diện bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tại phiên toà đại diện bị hại tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo Lê Văn T2 có bố để là ông Lê T1 có nhiều bằng khen, giấy khen và Danh hiệu chiến sỹ thi đua trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự vào các năm 1981, 1982 và 1983, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần được áp dụng thêm cho bị cáo T2. Trong vụ án này các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Trong vụ án này còn có anh Phạm Phú N cho bị cáo Q2 thuê chuồng nuôi heo, nhưng anh N không biết số heo trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 đều đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường đối với phần chênh lệch về giá trị tài sản chiếm đoạt cho bị hại mỗi bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng, tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu gì thêm là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 32 con heo con đều có đặc điểm vành tai xăm số "138" và bấm tai. Xét thấy số heo con này là tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần C2 tại trại heo N , xã M, huyện Đ nên Cơ quan CSĐT – CA huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty Cổ phần C2 là phù hợp.

- 01 (*một*) điện thoai di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, gắn sim số 0899.525075 của bị cáo Q2; 01 (*một*) điện thoại di động OPPO màu hồng, gắn Sim số: 0935.101873 của bị cáo H2. Xét thấy, đây là những chiếc điện thoại của các bị cáo Q2, H2 đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

- 01 (*một*) xe mô tô biển kiểm soát 62P1-116.92 có một gương chiếu hậu bên trái, không có bửng, không có nhựa ốp sườn hai bên, xe đã qua sử dụng, xe không có chìa khoá, không có giấy tờ xe kèm theo. Xét thấy, đây là chiếc xe mô tô mà bị cáo Q2 dùng để chở heo bị cơ quan Công an thu giữ, xe không có giấy tờ. Vì vậy, cần giao cho cơ quan Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- 01 (*một*) chiếc điện thoại Iphone 8 màu đỏ, gắn Sim số: 0348.254828 và 01 (*một*) chiếc điện thoại Nokia màu đỏ, gắn Sim số: 0949.220295 của bị cáo T2. Xét thấy, đây là hai chiếc điện thoại của bị cáo T2, hai chiếc điện thoại này bị cáo không dùng làm phương tiện phạm tội, cần trả lại cho bị cáo T2 là phù hợp.

- 01 (*một*) chiếc sọt đan bằng sắt kích thước dài 90cm, rộng 55cm cao 40cm. Xét thấy, đây là chiếc sọt đan bằng sắt của bị cáo Q2, bị cáo Q2 đã dùng để chở heo, chiếc sọt không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp.

- Số tiền mặt 10.400.000 đồng *(Mười triệu, bốn trăm ngàn đồng).* Xét thấy, đây là số tiền của bị cáo Q2 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy cần trả lại cho bị cáo Q2 là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T2, Phan Văn Q2 và bị cáo Phạm H2 phạm tội *"Tham ô tài sản".*

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn Q2 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

- Xử phạt bị cáo Phạm H2 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (*một*) điện thoai di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, gắn sim số 0899.525075 và 01 (*một*) điện thoại di động OPPO màu hồng, gắn Sim số: 0935.101873.

2.2. Trả lại cho bị cáo Lê Văn T2: 01 (*một*) chiếc điện thoại Iphone 8 màu đỏ, gắn Sim số: 0348.254828 và 01 (*một*) chiếc điện thoại Nokia màu đỏ, gắn Sim số: 0949.220295.

2.3. Giao cho cơ quan Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật: 01 (*một*) xe mô tô biển kiểm soát 62P1-116.92 có một gương chiếu hậu bên trái, không có bửng, không có nhựa ốp sườn hai bên, xe đã qua sử dụng, xe không có chìa khoá, không có giấy tờ xe kèm theo.

2.4. Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) chiếc sọt đan bằng sắt kích thước dài 90cm, rộng 55cm cao 40cm.

2.5. Trả lại cho bị cáo Phan Văn Q2 số tiền 10.400.000 đồng *(Mười triệu, bốn trăm ngàn đồng).*

Chi tiết của các vật chứng trên được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 15/3/2023 giữa cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh.

Đối với số tiền 10.400.000 đồng *(Mười triệu, bốn trăm ngàn đồng)* hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 15/3/2023.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T2, Q2 và bị cáo H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đạ Tẻh;
- Công an huyện Đạ Tẻh;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Thi hành án dân sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- *Lưu HS.*

Dương Văn Hùng